



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á**  
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

A E A A U D I T

## MỤC LỤC

	TRANG
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
3. BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	4 - 13

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT

Địa chỉ: Tầng 2, Số 142 Đồi Cẩn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Hôm nay, ngày 25 tháng 03 năm 2013, tại trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), các thành viên Ban Giám đốc đã tổ chức cuộc họp để kiểm tra tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Ban Giám đốc Công ty xin được trình bày bản báo cáo này kèm theo Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng của Công ty tại thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên:	Chức vụ:
- Ông Hán Công Khanh	Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Quang Tuấn (*)	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Đỗ Thanh Hà (**)	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đức Tùng	Kế toán trưởng

(\*) Ông Phạm Quang Tuấn được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 20/11/2012 theo Quyết định số 66/QĐ-CT HDQT ngày 20 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

(\*\*) Ông Đỗ Thanh Hà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 18/01/2013 theo Quyết định số 07/QĐ-CT HDQT ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

#### Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại tầng 2, số 142 phố Đồi Cẩn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

#### Công ty kiểm toán

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á - AEA.

#### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012. Để lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn và áp dụng nhất quán chính sách kế toán;
- Có hiểu biết đầy đủ về hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống kế toán cũng như có hiểu biết ở mức độ hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và kiểm tra Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

#### Ý kiến của Ban giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN BAN GIÁM ĐỐC



**HÀN CÔNG KHANH**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013



Số: 27/2013/AEA-TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần chứng khoán Trí Việt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần chứng khoán Trí Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 13 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Việc lập và trình bày Báo cáo này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này trên cơ sở kết quả của cuộc kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức độ tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt, xét trên khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại Việt Nam.



**Nguyễn Hữu Đông**

**Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số: 0140/KTV

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á**

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2013

**Vũ Đức Thắng**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số: 0307/KTV

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: ngày 31/12/2012

Ban Giám đốc Công ty cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể phát sinh ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.



**NGUYỄN ĐỨC TÙNG**  
Kế toán trưởng



**TRẦN THỊ THU HẰNG**  
Trưởng phòng KSNB



**HÀN CÔNG KHANH**  
Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013*

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>77.168.953.252</b>	<b>1.444.464.897</b>	<b>119.136</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	96.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(18.831.046.748)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		1.444.464.897	119.136
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>			<b>75.724.607.491</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5		-	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</i>		<b>302.350.677</b>	
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2.	Trả trước cho người bán		302.350.677	

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn		
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
5.	Các khoản phải thu khác		
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		-
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.468.589.302</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		32.520.223
2.	Thuế GTGT được khấu trừ		13.464.399
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
4.	Tài sản ngắn hạn khác		
4.1	Tạm ứng		4.422.604.680
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		4.422.604.680
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		-
<b>IB</b>	<b>Tổng</b>		<b>4.770.939.979</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>		
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>		
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng		
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT**

Địa chỉ: Tầng 2, Số 142 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
4.	Phải thu dài hạn khác,		
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>2.783.349.360</b>
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		
1.	Đầu tư vào công ty con		-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		7.090.000.000
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn		
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8		
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		-
4.	Đầu tư dài hạn khác		-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.077.957.376</b>
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>		<b>11.951.306.736</b>
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C</b>			<b>59.002.360.776</b>



**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

<b>A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
	(1)	(2)	(3)=(1)x(2)	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		<b>852.327.858</b>		
1. Tiền mặt (VND)	0%	852.327.858	-	
2. Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	-	-	
3. Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-	
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>				
4. Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-	
5. Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định				
5.1 Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%	-	-	
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở	5%	-	-

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

lên;				
<b>III.</b>	<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>			
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		
<b>IV.</b>	<b>Cổ phiếu</b>		<b>499.808.800</b>	<b>99.399.130</b>
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	1.443.800	144.380
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	8.365.000	1.254.750
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	490.000.000	98.000.000

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%						
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%						
<b>V.</b>	<b>Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>							
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-				
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-				
<b>VI.</b>	<b>Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>							
15.	Chứng khoán bị tạm ngưng giao dịch	40%	-	-				
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-				
<b>VII.</b>	<b>Các tài sản khác</b>							
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%						
18.	Các tài sản đầu tư khác	80%						
<b>VIII.</b>	<b>Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>							
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro				
1.	....							
2.	....							
<b>A.</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)</b>				<b>99.399.130</b>			
<b>B.</b>	<b>RỦI RO THANH TOÁN</b>							
	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
<b>I.</b>	<b>Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các							

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

	khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán						
2.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
3.	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất				2.800.000.000		2.800.000.000
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	1.419.165.677					1.419.165.677
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>							
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%					
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%					
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%					
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%		5.223.510.218		5.223.510.218	
<b>III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>							
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
1.	.....						
2.	.....						
3.	.....						
<b>B.</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>					<b>9.442.675.895</b>	

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

<b>C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)</b>		
<b>I.</b>	<b>Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng</b>	<b>12.553.330.183</b>
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	635.781.425
	1. Chi phí khấu hao	1.050.637.153
<b>II.</b>	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(414.855.728)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
<b>III.</b>	<b>Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)</b>	<b>11.917.548.758</b>
<b>IV.</b>	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	2.979.387.190
<b>V.</b>	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	7.000.000.000
<b>C.</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})</b>	<b>7.000.000.000</b>
<b>D.</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>	<b>16.542.075.025</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TRÍ VIỆT**

Địa chỉ: Tầng 2, Số 142 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TẠI CHÍNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

Đơn vị: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	99.399.130	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	9.442.675.895	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4.	<b>Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)</b>	<b>16.542.075.025</b>	
5.	<b>Vốn khả dụng</b>	<b>59.002.360.776</b>	
6.	<b>Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)</b>	<b>356,68%</b>	